

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH YÊN
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 97/2018/HS-ST
Ngày 15 tháng 8 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH YÊN, TỈNH VINH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Quách Thị Hoàng Giang.

Các Hội thẩm Nhân dân: - Bà Bùi Thị Thu Hằng;

- Bà Nguyễn Thị Thúy Nga.

Thư ký phiên toà: Bà Khổng Phương Thùy - Thư ký Toà án Nhân dân thành phố Vinh Yên.

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Vinh Yên tham gia phiên toà: Bà Hà Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 93/2018/HS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 91/2018/HSST-QĐ ngày 03 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo:

Lê Thị T, sinh ngày 04 tháng 4 năm 1986 tại Vĩnh Phúc; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Khu hành chính XX, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn C (đã chết) và bà Nguyễn Thị Đ, chồng: Không có, con: Có 02 con (lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2014); tiền án: 01 tiền án: Bản án số 29/2010/HSST ngày 26/8/2010 Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt Lê Thị T 03 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và phạt 05 triệu đồng sung quỹ Nhà nước. Đã chấp hành nộp án phí hình sự sơ thẩm đối với bản án trên. Riêng đối với phần tiền phạt 5.000.000đ, T đã nộp được 630.000đ, còn 4.370.000đ đến nay vẫn chưa thi hành xong; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 13/9/1999, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc có Quyết định số 2235/QĐ-CT về việc áp dụng biện pháp đưa người vào trường giáo dưỡng đối với Lê Thị T với thời hạn 24 tháng do nhiều lần trộm cắp tài sản. Ngày 24/6/2001 T đã chấp hành xong; bị cáo tại ngoại (có mặt).

Người bị hại: Chị Lưu Thị N, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 ngày 04/3/2018, chị Lưu Thị N cùng con gái chị là cháu Nguyễn Thị Phương O đến cửa hàng bán quần áo tại số 1XX, phố Lê Xoay, phường Ngô Quyền, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc để mua quần áo. Tại đây, chị N chọn một chiếc áo rồi đi đến góc phòng của cửa hàng có treo rèm để thử đồ, khi vào phòng thử đồ chị N cởi bỏ chiếc áo khoác da màu đen vắt ngang vào giá treo quần áo của cửa hàng rồi đi vào bên trong tấm rèm của cửa hàng để thử đồ thì tại túi áo sườn bên trái chiếc áo khoác da màu đen của chị N rơi ra một chiếc ví vải màu đen bên trong ví có số tiền 4.604.000đ. Lúc này Lê Thị T cũng đến cửa hàng để mua quần áo. Tại đây T chọn một chiếc áo cộc tay màu trắng và đến rèm để thử đồ, T nhìn thấy chiếc 01 chiếc ví vải rơi ra từ túi áo bên trái chiếc áo khoác của chị N, T quan sát xung quanh thấy không có ai để ý, T lén lút đến vị trí chiếc ví dùng tay trái cầm chiếc ví vải lên rồi nhanh chóng mở ví ra lấy toàn bộ số tiền trong ví và để vào túi quần sau bên trái đang mặc của mình. Lấy tiền xong T vút lại chiếc ví vào đóng quần áo giữa sàn nhà. Khi chị N thử đồ xong, chị N đi ra và phát hiện bị mất chiếc ví nên đã hô hoán mọi người để tìm chiếc ví. Lúc này T đang đứng ở phía ngoài cửa hàng, nghe thấy chị N kêu mất ví nên đã lấy số tiền vừa trộm cắp được của chị N để trong túi quần sau cho vào chiếc ví giả da màu đen có quai xách của T và xáo trộn vị trí các tờ tiền để tránh bị phát hiện. Khi đó cháu O (là con gái chị N) nhìn thấy số tiền T lấy từ túi quần sau có đặc điểm gấp đôi như chị N mô tả nên đề nghị T ở lại làm rõ. T không thừa nhận hành vi trộm cắp tiền của chị N nên đã dùng tay trái tát một cái vào mặt cháu O, sau đó chị N đã trình báo sự việc trên đến Cơ quan điều tra. Tại Cơ quan điều tra T đã khai nhận rõ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên và tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 7.008.000đ, trong đó có 4.604.000đ là số tiền do T vừa thực hiện hành vi phạm tội mà có; 01 xe máy điện BKS MD7-018.21, nhãn hiệu ESPERO cùng giấy đăng ký xe; 01 chiếc ví giả da có quai xách.

Tại Cáo trạng số: 97/CT-VKSTP.VY ngày 31/7/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên đã truy tố Lê Thị T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa bị cáo Lê Thị T khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên.

Bị hại, chị Lưu Thị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra đã khai nhận: Ngày 04/3/2018, chị cùng con gái đi mua quần áo tại cửa hàng số 1XX phố L, N, V, Vĩnh Phúc thì bị Lê Thị T cũng vào xem và thử áo đã lấy trộm tiền tổng là 4.604.000đ trong chiếc ví vải màu đen. Tại Cơ quan điều tra chị N đã nhận đủ số tiền và đề nghị xử lý bị cáo T theo quy định của pháp luật (bút lục 40-47).

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thị T từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Áp dụng khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự ; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Trả lại cho Lê Thị T 01 xe máy điện có BKS 88MĐ7-018.21 nhãn hiệu ESPERO và đăng ký xe, 01 ví giả da màu đen có quai xách và số tiền 2.404.000đ nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Xác nhận Cơ quan điều tra đã thu giữ và trả lại cho chị Lưu Thị N số tiền 4.604.000đ là hợp pháp.

Bị cáo không bào chữa và tranh luận gì. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội nêu trên của bị cáo Lê Thị T tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của người bị hại, người làm chứng về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 04/3/2018, tại cửa hàng bán quần áo số 109 phố Lê Xoay, phường Ngô Quyền, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của chị Lưu Thị N , Lê Thị T đã lén lút trộm cắp số tiền 4.604.000đ của chị N . Tài sản đã thu giữ được trả cho bị hại.

Hành vi nêu trên của bị cáo Lê Thị T đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, có khung hình phạt tù đến 03 năm.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an và an toàn trong xã hội. Do vậy, cần phải xử lý thật nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[2] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo phạm tội theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự có mức cao nhất của khung hình phạt đến 03 năm tù nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 của Bộ luật Hình sự thì trường hợp nêu trên thuộc tội phạm ít nghiêm trọng.

Trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân xấu, bản thân có sức khỏe nhưng không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân để làm ăn chân chính mà lén lút chiếm đoạt tài

sản của người khác với mục đích để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Lần phạm tội này bị cáo có 01 tiền án hiện chưa được xóa án tích, do vậy lần phạm tội này bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự để xem xét xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm minh. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện, người công dân có ích cho xã hội.

Khi quyết định hình phạt có xem xét đến các tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn” để giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[3] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng. Tuy nhiên, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa xác định bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bản thân không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[4] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[5] Đối với số tiền 7.008.000đ do Cơ quan điều tra thu giữ, quá trình điều tra xác định trong số tiền trên có 4.604.000đ và 01 chiếc ví vải thu giữ tại hiện trường, quá trình điều tra xác định số tiền và chiếc ví vải trên là tài sản hợp pháp của chị Lưu Thị N. Ngày 18/7/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Vĩnh Yên đã trả lại tài sản cho chị N, sau khi nhận lại tài sản chị N không yêu cầu đề nghị gì về việc bồi thường. Còn lại số tiền 2.404.000đ thu giữ của T và 01 ví giả da có quai xách, quá trình điều tra xác định là tài sản của T, không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho T nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Đối với 01 xe máy điện BKS 88MĐ7-018.21 nhãn hiệu ESPERO màu đỏ cùng đăng ký xe, quá trình điều tra xác định chủ đăng ký xe là anh Lưu Văn T ở xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, quá trình điều tra xác định: Khoảng tháng 9/2017 anh Thành chở T đi mua chiếc xe máy điện trên để phục vụ nhu cầu đi lại cá nhân, do T không mang theo chứng minh thư nhân dân nên nhờ anh Thành đứng tên đăng ký giúp, do vậy chiếc xe máy điện đăng ký mang tên anh Thành còn T là người quản lý và sử dụng; Xác định là tài sản hợp pháp của T sử dụng làm phương tiện đi lại, ngày 04/3/2018 T sử dụng xe máy điện để đi mua quần áo, không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho T. Đối với hành vi T dùng tay tát một cái vào mặt cháu O khi bị cháu O phát hiện việc T xáo trộn tiền nhằm che giấu việc trộm cắp của mình. Quá trình điều tra xác định khi T tát cháu O không có thương tích gì nên

cháu O không có yêu cầu đề nghị gì về việc bồi thường thương tích. Ngày 19/7/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Vĩnh Yên ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với T về hành vi “Xâm hại đến sức khỏe của người khác” số tiền 2.500.000đ, ngày 06/8/2018 bị cáo đã chấp hành xong.

[6] Về vật chứng: Xác nhận Cơ quan điều tra, Công an thành phố Vĩnh Yên đã thu và trao trả cho chị Lưu Thị N số tiền 4.604.000đ và 01 chiếc ví vải thu giữ tại hiện trường như biên bản thu giữ là đúng quy định của pháp luật. Trả lại cho Lê Thị T 01 xe máy điện có BKS 88MĐ7- 018.21 nhãn hiệu ESPERO và đăng ký xe, 01 ví giả da màu đen có quai xách và số tiền 2.404.000đ nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[7] Về các vấn đề khác: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Thị T 10 (mười) tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự, khoản 2 điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo Lê Thị T 01 xe máy điện có BKS 88MĐ7-018.21 nhãn hiệu ESPERO và đăng ký xe, 01 ví giả da màu đen có quai xách và số tiền 2.404.000đ nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án (đặc điểm tang vật như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/8/2018).

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Lê Thị T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Viện kiểm sát tỉnh Vĩnh Phúc;
- Viện kiểm sát thành phố Vĩnh Yên;
- Công an thành phố Vĩnh Yên;
- Trại tạm giam - CA Vĩnh Phúc;
- Chi cục thi hành án Vĩnh Yên;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Quách Thị Hoàng Giang